TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 252/2023/DS-PT
Ngày 08 – 5 – 2023
V/v "Tranh chấp QSDĐ và yêu cầu hủy giấy CN QSDĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Mai Xuân Thành

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2022/TLPT-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc "*tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST, ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2023/QĐ-PT, ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Võ Văn R, sinh năm 1961, vắng mặt;

2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1963, có mặt;

Cùng cư trú: Số 181, tổ 05, ấp KC, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Văn B – Văn phòng luật sư Châu Đốc, Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: 1245, quốc lộ 91, MP, MĐ, CP, An Giang.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Ngọc Th (Ngại), sinh năm 1960, (chết ngày 03/10/2021);

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960.

Cùng cư trú: Số 190, tổ 06, ấp KC, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Ông Trương Văn D (Phảnh), vắng mặt.

4. Bà Cao Thị D1, sinh năm 1961; vắng mặt.

Cùng cư trú: Số 185, tổ 05, ấp KC, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1939; Cùng cư trú: Số 185, tổ 06, ấp KC, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang; Trụ sở: Số 521, ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Ông Võ Văn Tr (Trần Công Trần), sinh năm 1969; Cư trú: Số 175, tổ 05, ấp KC, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Ông Võ Thanh V (Văn), sinh năm 1964; Cư trú: số 275, đường tỉnh lộ 956, tổ 18, ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn R và bà Lê Thị S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Võ Văn R và bà Lê Thị S, trình bày:*

Vợ chồng nguyên đơn được hưởng từ cha ông R là ông Võ Văn T phần đất ngang 14m, dài khoảng 200m, ranh dưới và ranh trên từ dưới sông đổ ra hậu ở đằng sau giáp ranh với đất của ông Năm Nhơn. Phần đất này có nguồn gốc từ đời ông nội của ông R là cụ Võ Văn Ch, sau đó cụ Ch cho ông Võ Văn T khoảng trước năm 1960, đến khoảng năm 1971 ông T cho lại vợ chồng nguyên đơn cùng quản lý sử dụng đến nay. Từ đời ông nội của ông R có trồng những cây phân định ranh gồm: cây me nước lão, cây gòn, gò cây duối. Những cây này được trồng trong phần đất của ông, bà và sử dụng làm ranh từ đó đến nay. Phần đất này từ trước đến nay chưa có giấy tờ.

Liền kề đất của nguyên đơn là đất của ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Đ, ông Trương Văn D và bà Cao Thị D1, bà Nguyễn Thị H. Năm 2002 có chủ trương đo đạc đại trà, vợ chồng nguyên đơn không có mặt ở nhà nên phía ông Th và bà Đ, ông D và bà D1, bà H làm thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã âm mưu cùng với Võ Văn Tr và Võ Thành V1 xác định mốc giới, đã lấn chiếm qua đất của nguyên đơn. Hiện nay những người này đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc Võ Văn Tr và Võ Thành V1 (con chú của ông R) xác định mốc giới với những người kể trên là hoàn toàn sai quy định của pháp luật do đất của nguyên đơn mới liền kề với đất của những hộ trên. Đến năm 2010, nguyên đơn

phát hiện các hộ trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã làm đơn khiếu nại nhưng Ủy ban nhân dân xã KH hòa giải không thành.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Đ trả lại phần diện tích đã lấn chiếm ngang 01m x dài khoảng 30m;

- Buộc ông Trương Văn D và bà Cao Thị D1 trả lại phần diện tích đã lấn chiếm ngang 01m x dài khoảng 60m;

- Buộc bà Nguyễn Thị H trả lại phần diện tích đã lấn chiếm ngang 01m x dài khoảng 100m;

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Đ trả lại diện tích đã lấn chiếm là 57,0m^2 được xác định bởi các điểm 118, 133, 97, 86, 134, 123, 124 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021;

- Buộc ông Trương Văn D và bà Cao Thị D1 trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 57,2m^2 được xác định bởi các điểm 115, 132, 133, 118, 119 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021;

- Buộc bà Nguyễn Thị H trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 291,7m^2 được xác định bởi các điểm 123, 134, 146, 130, 131 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021;

- Đồng thời yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02483/kF, diện tích 439.9m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 132 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 23/4/2002 cho ông Nguyễn Ngọc Th;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05095/kF, diện tích 220.7m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 125 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 26/02/2004 cho ông Trương Văn D;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05119/kF, diện tích 316.3m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 123; diện tích 2.926.5m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 142 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 26/02/2004 cho bà Nguyễn Thị H.

- Bị đơn Nguyễn Ngọc Th, bà Nguyễn Thị Đ; ông Trương Văn D, bà Cao Thị D1 và bà Nguyễn Thị H không có ý kiến trả lời bằng văn bản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện CP không có ý kiến trình bày.

+ Ông Võ Văn Tr và ông Võ Thanh V không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 35; Điều 37; Điều 147; Điều 158; Điều 165; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn R và bà Lê Thị S về việc:

- Buộc ông Trương Văn D và bà Cao Thị D1 trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 57,2m^2 được xác định bởi các điểm 115, 132, 133, 118, 119 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021;

- Buộc bà Nguyễn Thị H trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 291,7m^2 được xác định bởi các điểm 123, 134, 146, 130, 131 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02483/kF, diện tích 439.9m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 132 do Ủy ban nhân dân huyện CP đã cấp ngày 23/4/2002 cho ông Nguyễn Ngọc Th;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05095/kF, diện tích 220.7m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 125 do Ủy ban nhân dân huyện CP đã cấp ngày 26/02/2004 cho ông Trương Văn D;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05119/kF, diện tích 316.3m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 123; diện tích 2.926.5m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 142 do Ủy ban nhân dân huyện CP đã cấp ngày 26/02/2004 cho bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 08/4/2022, ông Võ Văn R, bà Lê Thị S cùng đứng đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" là vô lý, chưa nhận định, đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người kháng bà Lê Thị S trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ngày 08/4/2022 như nêu trên. Bà Sửng xác định khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử thì trước đó ông Nguyễn Ngọc Th đã chết, ông Th có vợ và con nhưng Tòa sơ thẩm chỉ xét xử vắng mặt ông Th và vợ là bà Đ chứ không đưa con của ông Th tham gia tố tụng.

- Luật sư Phan Văn B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, trình bày: Tòa sơ thẩm xét xử khi ông Th đã chết nhưng không đưa con ông Th tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; hồ sơ không có Biên bản hòa giải năm 2020 nhưng Tòa sơ thẩm căn cứ vào Biên bản hòa giải năm 2020 là chứng cứ không có thật; thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị đơn không đúng quy định của pháp luật do nguyên đơn là người có đất liền kề không ký tên tứ cận; giải quyết không triệt để yêu cầu của nguyên đơn do phần quyết định không nêu chấp nhận hay bác yêu cầu của nguyên đơn đối với ông Th, bà Đ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- Đối với kháng cáo của nguyên đơn, xét: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th chết trước khi Tòa sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử nhưng Tòa sơ thẩm không lập thủ tục đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 01/4/2022 đến ngày 08/4/2022 nguyên đơn ông Võ Văn R, bà Lê Thị S cùng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nên kháng cáo của nguyên đơn là trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th chết vào ngày 03/10/2021, Tòa sơ thẩm xét xử ngày 01/4/2022 sau khi ông Th chết là 06 tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm bà Sửng trình bày ông Th có vợ và có con. Vì thế, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Tòa sơ thẩm không lập thủ tục đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Th vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tục theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Đối với kháng cáo của nguyên đơn, xét:

[3.1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Đ trả lại diện tích đã lấn chiếm là 57,0m^2 được xác định bởi các điểm 118, 133, 97, 86, 134, 123, 124 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021;

- Buộc ông Trương Văn D và bà Cao Thị D1 trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 57,2m^2 được xác định bởi các điểm 115, 132, 133, 118, 119 tại Bản trích

đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021;

- Buộc bà Nguyễn Thị H trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 291,7m^2 được xác định bởi các điểm 123, 134, 146, 130, 131 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021;

- Đồng thời yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02483/kF, diện tích 439.9m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 132 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 23/4/2002 cho ông Nguyễn Ngọc Th;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05095/kF, diện tích 220.7m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 125 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 26/02/2004 cho ông Trương Văn D;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05119/kF, diện tích 316.3m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 123; diện tích 2.926.5m^2, tờ bản đồ số 35, thửa số 142 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 26/02/2004 cho bà Nguyễn Thị H.

Song, khi giải quyết tại phần "Nhận định của Tòa án" thì Tòa sơ thẩm đã xem xét tất cả các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến khi "Quyết định" thì Tòa sơ thẩm không xem xét quyết định đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu: *"Buộc ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Đ trả lại diện tích đã lấn chiếm là 57,0m^2 được xác định bởi các điểm 118, 133, 97, 86, 134, 123, 124 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021*".

Sau khi nguyên đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đến ngày 18/4/2022 Tòa sơ thẩm ban hành Quyết định số 18/2022/QĐ-TA, sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm với lý do: *"Lỗi kỹ thuật đánh máy nên thừa một số nội dung cần sửa chữa đối với bản án sơ thẩm"* (thực chất là thiếu). Theo đó, Tòa sơ thẩm bổ sung phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với phần: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Buộc ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Đ trả lại diện tích đã lấn chiếm là 57,0m^2 được xác định bởi các điểm 118, 133, 97, 86, 134, 123, 124 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021"*.

- Xét thấy; theo khoản 1 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*1. Sau khi tuyên án xong thì không được sửa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai"*. Với quy định nêu trên thì việc Tòa sơ thẩm bổ sung phần: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: *"Buộc ông Nguyễn Ngọc Th và bà Nguyễn Thị Đ trả lại diện tích đã lấn chiếm là 57,0m^2 được xác định bởi các điểm 118, 133, 97, 86, 134, 123, 124 tại Bản trích đo hiện trạng khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh An Giang lập ngày 03/8/2021"* là không đúng quy định, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tục, giải quyết chưa hết yêu cầu của đương sự.

[3.2] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì các bị đơn đều vắng mặt không tham gia tất các các giai đoạn tố tụng, Tòa sơ thẩm căn cứ vào Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2021, Biên bản hòa giải năm 2020 (từ Bút lục số 1 đến Bút lục số 19 nhưng thực tế hồ sơ không có Biên bản hòa giải năm 2020) để quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên chưa đủ căn cứ để cho rằng nguyên đơn khởi kiện là không có căn cứ, bởi:

Theo hồ sơ thể hiện: Tại biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất thổ cư giữa ông Võ Văn R với ông Nguyễn Ngọc Th, do Ban hòa giải xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang lập ngày 13/7/2010 (BL 04, 05) thể hiện: Ông Võ Văn R, trình bày: *"Nguồn gốc đất trước đây là của ông nội tôi Võ Văn Ch để lại cho đến nay hiện nay tôi đang ở là giáp ranh với ông Th, còn cặp vách trên nhà tôi là của ông Dân, rồi đến ông Trần; ông Dân, ông Trần là chú bác ruột với tôi, nhưng ông (bà) để lại không biết chiều ngang và chiều dài bao nhiêu mét, nhưng ranh trên giáp với Tư Chung (cha Chính Ảnh) ranh dưới giáp với ông Năm Bộ (ông nội ông Th), sau khi đo đại trà để cấp giấy thì ông Th cắm trụ ranh lấn lên đất tôi 01m, nay tôi yêu cầu cắm trụ ranh ngay cây me nước đã trồng lâu năm*"; ông Nguyễn Ngọc Th trình bày: *"Nguồn gốc đất tôi đang ở là của ông bà để lại cho đến nay trong đó có tôi nằm cặp ranh với ông R, có chiều ngang là 50m từ đường sổ thẳng ra sau đồng, căn cứ nguồn gốc đất của 02 bên để đo, nếu đo từ ranh dưới đo lên thì chiều ngang 50m, còn không thì đo trên đo 30m xuống trụ, chứ không lấy cây me nước làm ranh"*; Sau khi nghe các bên đương sự trình bày thì Ban hòa giải đưa ra ý kiến: "*...đo từ ranh trên của ông Tư Chung đo xuống cho ông Trần 10m, xuống ông Dân 10m và cuối cùng cho ông R 10m để xuống trụ giáp với ông Th là đất ông bà để lại khi đo thì đo mặt đường lộ và hậu sau cặp sát đất nhà của ông Trần, ông Dân và ông R dây xuống cũng 30m để xuống trụ"* ý kiến này của Ban hòa giải thì ông Th đồng ý, ông R không đồng ý.

Theo Báo cáo kết quả xác minh (BL09) do cán bộ xác minh, ông Hà Văn Lễ thực hiện được sự phê duyệt đồng ý của Ủy ban nhân dân xã KH thì *"Nguồn gốc đất trước đây là của ông Năm Bộ (nội ông Th) trong đó có phân chia cho ông Khoảnh, ông Th và bà H tất cả 03 hộ này nằm sát ranh đất với ông Võ Văn Ch hiện nay ông Võ Văn R đang ở (ông R ranh đất vách trên). Đất của ông Khoảnh nằm cặp hương lộ có giấy QSDĐ, đất của ông Th nằm giữa cũng có giấy QSDĐ và sau đó tới đất của bà H là cuối phần đất. Đất của ông Năm Bộ và đất của ông Võ Văn Ch trước lúc đo đại trà không có trụ ranh, chỉ có cây me nước trồng lâu năm cặp vách nhà ông R và đất ông Th, vào năm 2002 đợt đo đại trà để cấp giấy quyền sử dụng đất thì có ông Dân, ông Trần là anh em chú bác ruột với ông R cùng thống nhất đo lấy từ trụ ranh ông Tư Chung ở trên đo xuống chiều ngang 30m giáp đất của ông Khoảnh sau đó xuống trụ (đo mặt tiền). Đo hậu sau cũng đo từ ranh trên của ông Tư Chung đo xuống chiều ngang 30m sau đó xuống trụ giáp với đất ông Th, cây trụ ranh này nằm trên cây me nước khoảng 01m chiều ngang. Nguồn gốc đất ông Võ Văn Ch cũng đã được ông Trần xác định chiều ngang trên giáp với ông Tư Chung, vách dưới giáp ông Năm Bộ"*.

Tại Thông báo số 15/TB-UBND ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã KH, về việc hòa giải tranh chấp đất đai…(BL59) thể hiện: *"Nguồn gốc đất là của ông Năm Bộ (ông nội của ông Th) giáp ranh vách trên là của ông Võ Văn Ch (ông nội của ông Võ Văn R) phần chiều rộng 30m. Ông Tám Chiều chết để lại 03 người con là ông Hai Tuấn (cha ông R), ông Tư Thành (cha ông Dân) và ông Châu (cha ông Trần), không có tờ di chúc, đến khi đo đại trà để cấp giấy quyền sử dụng đất thì lúc đó ông Hai Tuấn, ông Tư Thành, ông Châu đều chết nên giao lại cho ông R là chồng bà Sửng, ông Dân và ông Trần đo để phân chia mỗi người 10m (trong khi đó không có ông R ở nhà)";*

Với các chứng cứ vừa nêu trên, thì việc Tòa sơ thẩm không tiến hành ghi lời khai các đương sự như cán bộ xác minh ông Hà Văn Lễ, các bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dân, ông Trần theo quy định tại khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng dân sự là thu thập chứng cứ không đầy đủ; do dù ông Trần, ông Dân tự xác định ranh khi kê khai đăng ký cấp đại trà không có ông R xác định ranh, nhưng nguồn gốc đất là của ông Võ Văn Ch - ông nội của ông Trần, ông Dân, ông R chết để lại (như nêu trên). Chính ông R cũng đã xác định ông, bà để lại *"không biết chiều ngang và chiều dài bao nhiêu mét, nhưng ranh trên giáp với Tư Chung"*. Nên việc ông Dân, ông Trần xác định ranh khi đo đại trà là căn cứ cần được xem xét khi giải quyết vụ án nếu hiện nay họ vẫn khẳng định chính họ là người xác định ranh khi đo đại trà và ranh đó là đất của ông Võ Văn Ch để lại, nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện việc xác minh, thu thập chứng cứ theo các điều luật nêu trên.

[4] Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, điều tra thu thập chứng cứ không đầy đủ. Tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Văn R, bà Lê Thị S hủy toàn bộ án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

[6] Quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm được xem xét khi giải quyết lại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn R, bà Lê Thị S.

2. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn R, bà Lê Thị S không phải nộp.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm được xem xét khi giải quyết lại sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh An Giang;
– VKSND tỉnh An Giang;
– Cục THADS tỉnh An Giang;
– Các đương sự (10);
– Lưu VT (5), HS (2), 22b, (ÁN09)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tửu